TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK SONG
TỈNH ĐĂK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2021/DS-ST
Ngày 12-8-2021
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK SONG, TỈNH ĐĂK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Mã Thị Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang và ông Hoàng Minh Hải

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà : Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51a/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70a/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021, số: 83/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021, số: 100/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ trụ sở chính: 130 P, Phường 3, Quận P, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Khải H - chuyên viên khách hàng - Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh Đăk Nông – Có mặt.

Địa chỉ: số 199 N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, chị Phạm Thị T- Vắng mặt (*Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2*).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19-6-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị T có ký hợp đồng tín dụng số K 0108/117 ngày 08-11-2017 với Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Đăk Nông vay số tiền 200.000.000 đồng, Lãi suất: 10,95%/năm, lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: Đầu tư nông nghiệp, trả nợ gốc: Vào cuối kỳ trả nợ, trả lãi: Định kỳ hàng tháng.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị T đã thế chấp các tài sản theo Hợp đồng thế chấp số K 0108/TC17 ngày 08-11-2017. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định, gồm tài sản sau đây:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 045427 do UBND huyện Đ cấp ngày 18-01-2017; địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Thửa đất: 96, Tờ bản đồ: 126, Diện tích: 617 m^2 mang tên ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị T.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 230902 do UBND huyện Đ cấp ngày 04-10-2016, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Thửa đất: 68, Tờ bản đồ: 126, Diện tích: 636m^2, mang tên ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị T.

Trong quá trình vay, từ ngày 09-11-2017 đến ngày 13-4-2020, ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị T đã trả lãi trong hạn 12.720.000 đồng.

Do ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ tháng 07 năm 2018, Ngân hàng TMCP Đ đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Để đảo bảo việc thu hồi nợ, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị T phải trả số nợ gồm nợ gốc: 200.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 40.440.000 đồng, Lãi quá hạn: 15.630.000 đồng. Tổng cộng: 256.070.000 đồng tính đến ngày 13-4-2020 và tiền lãi phát sinh từ ngày 14-4-2020 đến ngày ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị T thực trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng ngắn hạn số K 0108/117 ngày 08-11-2017.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị T không trả được nợ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: K 0108/TC17 ngày 08-11-2017.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết mọi khoản nợ và chi phí phát sinh có liên quan thì ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị T có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Ngày 12-5-2021 Ngân hàng TMCP Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung: nếu ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị T không trả được nợ thì yêu cầu cơ quan

có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (*Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: K 0108/TC17 ngày 08-11-2017*).

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31-8-2020 thể hiện: Qua kiểm tra, xác minh, đo đạc trên thực tế và ráp bản đồ thì đặc điểm tứ cận các thửa đất xem xét, thẩm định đúng như các Giấy chứng nhận QSDĐ của các thửa đất mà ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T thế chấp tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T trả tổng số tiền là 299.720.000 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 9.180.000 đồng, lãi quá hạn là 90.540.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 11-8-2021, đồng thời các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 12-8-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do chậm trả lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và không yêu cầu giải quyết việc buộc bị đơn phải tiếp tục trả nợ nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ ngân hàng thu hồi hết toàn bộ khoản nợ. Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Hữu T bà Phạm Thị T không tự nguyện thi hành án thì ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành đối với toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T: Kết quả xác minh và ủy thác thu thập chứng cứ xác định ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T đã đi khỏi địa phương nhưng không xác định được hiện nay đang ở đâu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T bằng các hình thức niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm s át việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung giải quyết vụ án, phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định, đã đi khỏi địa phương không xác định được nơi ở mới.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là 299.720.000 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 9.180.000 đồng, lãi quá hạn là 90.540.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 11-8-2021, đồng thời buộc ông Nguyễn Hữu T bà Phạm Thị T trả các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn kể từ sau ngày 12-8-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: K 0108/TC17 ngày 08-11-2017.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu: Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết mọi khoản nợ và chi phí phát sinh có liên quan thì ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị T có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Bản sao Hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của ngân hàng, hồ sơ khách hàng là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra, còn có một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của nguyên đơn; biên bản xem xét, thẩm định; kết quả thông báo, triệu tập đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T phải trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: K 0108/117 ngày 08-11-2017, đồng thời yêu cầu xử lý thế chấp nếu ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T không trả được hoặc trả không đủ nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Từ tháng 7 năm 2018 ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 19-6-2020 Ngân hàng khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[1.3]. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng các hình thức như trực tiếp (đối với

nguyên đơn); niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đối với bị đơn) đúng theo Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, bị đơn không có mặt, kết quả xác minh tại địa phương xác định ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T đã đi khỏi địa phương và hiện nay không xác định được ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T đang ở đâu. Như vậy, ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T đã tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T vắng mặt đến lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T có vay tiền của Ngân hàng Đ chi nhánh Đăk Nông số tiền 200.000.000 đồng, thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số: K 0108/117 ngày 08-11-2017, thời hạn vay là: 12 tháng kể từ ngày 08-7-2017; lịch trả nợ vay như sau: Nợ gốc trả 01 lần khi đến hạn. Nợ lãi trả 01 tháng/lần; lãi suất cho vay: 10,80%/năm; mục đích bổ sung vốn kinh doanh tạp hóa. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Đ với ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T trả tổng số tiền nợ là 299.720.000 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 9.180.000 đồng, lãi quá hạn là 90.540.000 đồng, (lãi suất tính đến ngày 11-8-2021); Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Đ với ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T xác định số tiền vay, thời hạn trả nợ và lãi suất thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng; Ngân hàng Đ đã giải ngân cho ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T số tiền 200.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 13-4-2020 ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T đã trả lãi cho Ngân hàng Đ số tiền 12.720.000 đồng, số tiền nợ gốc và lãi còn lại ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T không trả cho Ngân hàng Đ khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng, vi phạm khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Mặc dù vậy, ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T đã bỏ đi khỏi địa phương và không xác định được hiện nay đang ở đâu nên việc Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T trả nợ là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng các Điều 463,

466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đông Á.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả, phạt vi phạm giữa Ngân hàng Đ với ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T theo hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi trên số tiền gốc mà ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T còn nợ, cụ thể: Lãi trong hạn là 9.180.000 đồng, lãi quá hạn là 90.540.000 đồng, (tiền lãi tính đến ngày 11-8-2021).

[2.3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm và việc yêu cầu bị đơn tiếp tục trả nợ nếu việc xử lý tài sản mà không đủ để ngân hàng thu hồi hết nợ, nguyên đơn đã rút, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các nội dung này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các nội dung mà nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện.

[3]. Về chi phí tố tụng:

3.1. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* nên buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*.

3.2. Về chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú do nguyên đơn chịu, được trừ số tiền nguyên đơn đã nộp cho các đơn vị đăng thông báo.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298; 299, 317, 320, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 299.720.000đ (*Hai trăm chín mươi chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), lãi trong hạn là 9.180.000đ (*Chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*), lãi quá hạn là 90.540.000đ (*Chín mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*), lãi suất tính đến ngày 11-8-2021.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ về việc xử lý tài sản bảo đảm và việc yêu cầu bị đơn tiếp tục trả nợ sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để ngân hàng thu hồi hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11-8-2021) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định: Do của Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) nên buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T phải trả cho ngân hàng số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị T phải nộp 14.986.000đ (*Mười bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng (làm tròn)*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 6.402.000đ (*Sáu triệu bốn trăm linh hai nghìn đồn*g) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001783, ngày 06-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(*Đã ký*)

Mã Thị Kỳ